

Số: 117 /NQ-HĐND

Vĩnh Cửu, ngày 12 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa
phương năm 2023 (đợt 2) trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
KHÓA XII – KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 2) trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn huyện (đợt 2), cụ thể như sau:

I/ Nguồn thu từ ngân sách huyện:	24.431.869.437 đồng
1/ Nguồn thu từ NS huyện chi đầu tư XD CB:	0 đồng
2/ Nguồn thu từ NS huyện chi thường xuyên:	24.431.869.437 đồng
- Nguồn kết dư năm 2022 chuyển sang:	1.265.891.455 đồng
- Nguồn Cải cách tiền lương:	22.269.977.982 đồng
+ Nguồn CCTL tại huyện:	14.883.208.736 đồng

+ Nguồn CCTL 40% nguồn tại đơn vị:	5.135.555.531 đồng
+ Nguồn CCTL tại các xã thị trấn Vĩnh An:	2.251.213.715 đồng
- Nguồn dự phòng ngân sách huyện:	896.000.000 đồng

II/ Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương: 23.886.789.344 đồng

Đối với Chi thường xuyên:	23.886.789.344 đồng
Chi sự nghiệp kinh tế:	1.204.181.636 đồng
Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:	17.535.578.927 đồng
Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:	68.785.032 đồng
Chi sự nghiệp thể dục – thể thao:	33.328.038 đồng
Chi sự nghiệp đài truyền thanh:	43.868.844 đồng
Chi quản lý hành chính:	4.921.250.715 đồng
Chi sự nghiệp an ninh:	36.586.152 đồng
Chi sự nghiệp quốc phòng:	43.210.000 đồng

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân huyện theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu khóa XII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 12 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban XD Đảng, Văn phòng Huyện ủy;
- UBMTTQVN và các đoàn thể huyện;
- Viện KSND, TAND, Chi cục THADS huyện;
- Các phòng ban, cơ quan thuộc huyện;
- Trung tâm VH-TT-TT huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH HĐND.

D/HĐND/2023/NQ

CHỦ TỊCH



Lê Đỗ Kim Chi

Phụ lục 1
biểu cân đối nguồn bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (đợt 2)
(Đính kèm Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Cửu)

A		NGUỒN THU		SỐ TIỀN		B		NHU CẦU CHI		ĐƠN VỊ		SỐ TIỀN		TÒN	
		TỔNG THU		24.431.869.437				TỔNG CHI				23.886.789.344		545.080.093	
I		NGUỒN KẾT DƯ CTX		1.265.891.455		I				NGUỒN KẾT DƯ CTX		720.811.362			
								- Bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Tân tỷ lệ 1/10.000 cho UBND xã Vĩnh Tân.		UBND xã Vĩnh Tân		212.545.210			
								- Bổ sung kinh phí khen thưởng		Phòng Nội Vụ		405.370.000			
								- Bổ sung kinh phí hỗ trợ chế độ luân chuyển, điều động CB cấp xã		UBND xã Vĩnh Tân		23.100.000			
								- Bổ sung kinh phí hỗ trợ chi trả chế độ hỗ trợ thôi việc đối với Công an xã (ông Nguyễn Thế Dũng)		UBND xã Vĩnh Tân		36.586.152			
								- Bổ sung kinh phí chi trả chế độ nghỉ việc đối với lực lượng dân quân thường trực xã hoàn thành nghĩa vụ DQTV (ông Nguyễn Văn Thuận và ông Nguyễn Ngọc Phái)		UBND xã Thiện Tân		23.840.000			
								-Bổ sung kinh phí chi trả chế độ nghỉ việc đối với lực lượng dân quân thường trực xã hoàn thành nghĩa vụ DQTV (Trần Minh Hoàng và ông Nguyễn Thanh Vũ)		UBND xã Thiện Tân		19.370.000			
III		NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		22.269.977.982				NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG				22.269.977.982			
I		Nguồn CCTL tại huyện		14.883.208.736		I		Nguồn CCTL tại huyện				14.883.208.736			
								- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp:		Trung Tâm Dịch Vụ Nông Nghiệp		74.131.757			
								- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Trung tâm văn hóa (Kho lưu trữ):		Trung tâm Văn Hóa Thông Tin		21.504.669			
								- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện:		Các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện		12.418.906.761			
								- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP		Trung tâm chính trị		11.875.635			
								-Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (VHTT):		Trung tâm Văn Hóa Thông Tin		38.026.032			

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng

A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHU CẦU CHI	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỔN
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (TĐTT) :	Trung tâm Văn Hóa Thông Tin	33.328.038	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (ĐTT) :	Trung tâm Văn Hóa Thông Tin	43.868.844	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Văn Phòng HDND&UBND huyện :	Văn Phòng HDND&HDND	296.000.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm hoạt động đối với đại biểu HDND các cấp theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Văn Phòng HDND&HDND	32.000.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng Nội Vụ	91.619.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách Phòng Y tế huyện :	Phòng Y tế	33.897.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng VH TT	82.333.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Thanh Tra	86.611.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng Tài nguyên - MT	77.450.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng TC-KH	137.856.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng KTHT	143.387.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng Tư Pháp	60.334.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng LĐTBXH	100.999.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng NNPTNT	85.575.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Phòng GDDT	116.888.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Văn Phòng huyện ủy	473.986.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	Văn Phòng huyện ủy	24.552.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Khối Đoàn thể:	Các đơn vị khối đoàn thể	246.867.000	

A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHU CẦU CHI	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TÒN
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của khối Hội đặc thù:	Các đơn vị khối hội đặc thù	151.213.000	
2	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	5.135.555.531	2	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị		5.135.555.531	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của B18 các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện:	Các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện	5.092.489.976	
	Nguồn CCTL 40% tại các đơn vị	5.092.489.976		- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của TTGDNN-GDTX huyện:	TTGDNN-GDTX	12.306.555	
	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	12.306.555		- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Trung tâm văn hóa (VHTT):	Trung tâm Văn Hóa Thông Tin	30.759.000	
	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	30.759.000		3 Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn		2.251.213.715	0
3	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn	2.251.213.715	3	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn		2.251.213.715	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của CBCT của UBND các xã, thị trấn Vĩnh An:	UBND các xã thị trấn	1.960.696.715	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm hoạt động đối với đại biểu HĐND các cấp theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của UBND các xã, thị trấn Vĩnh An:	UBND các xã thị trấn	217.419.000	
				- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm cấp ủy của UBND các xã, thị trấn Vĩnh An:	UBND các xã thị trấn	73.098.000	
III	NGUỒN DỰ PHÒNG	896.000.000	III	MŨI NGUỒN DỰ PHÒNG		896.000.000	
				- Bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ ngư dân chăm dứt nghề, ngư cụ cấm khai thác trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy định tại Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 8/7/2022 của HĐND tỉnh về sửa đổi bổ sung 1 số điều của Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	896.000.000	
TÒN		545.080.093					

Phụ lục 2
Bảng tổng hợp bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (dợt 2)
(Đính kèm Nghị quyết số: 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn CCTL					Ghi chú
					Nguồn kết dư	Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị trấn	
A	B	C	I=2+3+4	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG		23.886.789.344	896.000.000	720.811.362	22.269.977.982	14.883.208.736	5.135.555.531	2.251.213.715	-
I	Sự nghiệp kinh tế:		1.204.181.636	896.000.000	212.545.210	95.636.426	95.636.426	0	0	
	UBND xã Vĩnh Tân	- Bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Tân tỷ lệ 1/10.000	212.545.210		212.545.210	-				
	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ ngư dân chấm dứt nghề, ngư cụ cấm khai thác trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu quy định tại Nghị quyết số 14/2022/N-Q/HDND ngày 8/7/2022 của HDND tỉnh về sửa đổi bổ sung 1 số điều của Nghị quyết số 10/2021/NQ-HDND của HDND tỉnh	896.000.000	896.000.000		-				(Bổ hỗ trợ cho người dân được cấp tiền trước mặt mượn nguồn dự phòng ngân sách huyện chỉ sau khi ngân sách tỉnh cấp bổ sung sẽ hoàn trả cho ngân sách huyện)
	Trung tâm Dịch vụ Nông Nghiệp	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp;	74.131.757			74.131.757	74.131.757			
	Trung tâm Văn Hóa Thông Tin	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Trung tâm văn hóa (Kho lưu trữ);	21.504.669			21.504.669	21.504.669			
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:		17.535.578.927	0	0	17.535.578.927	12.430.782.396	5.104.796.531	0	
	Các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện	17.511.396.737	-	-	17.511.396.737	12.418.906.761	5.092.489.976	-	
	MN Bình Hòa	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	178.475.556			178.475.556	64.955.556	113.520.000		
	MN Tân Bình	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	275.934.924			275.934.924	132.834.924	143.100.000		
	MN Bình Lợi	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	268.983.890			268.983.890	165.153.890	103.830.000		

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn kết dư	Nguồn CCTL				Ghi chú
						Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn	
	TH Tân Phú	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	785.509.508			785.509.508	785.509.508			
	TH Chu Văn An	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	474.261.042			474.261.042	474.261.042			
	TH Thiên Tân	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	296.265.906			296.265.906	296.265.906			
	TH Tân An	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	471.146.565			471.146.565	471.146.565			
	TH Trị An	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	199.287.040			199.287.040	199.287.040			
	TH Hiền Liêm	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	228.316.851			228.316.851	228.316.851			
	TH Phú Lý	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	251.665.338			251.665.338	251.665.338			
	TH Bàu Phụng	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	332.996.572			332.996.572	332.996.572			
	TH Cây gáo B	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	266.951.069			266.951.069	266.951.069			
	TH Cây gáo A	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	825.071.197			825.071.197	825.071.197			
	TH Kim Đồng	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	403.106.277			403.106.277	403.106.277			
	TH Vĩnh Tân	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	535.736.693			535.736.693	535.736.693			
	TH Sông Mây	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	688.861.035			688.861.035	688.861.035			
	THCS Võ Tr Toàn	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	565.762.040			565.762.040	136.146.840	429.615.200		
	THCS Thanh Phú	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	1.042.290.785			1.042.290.785	96.817.468	945.473.317		

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn kết dư	Nguồn CCTL				Ghi chú
						Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn	
	THCS Thiên Tân	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	284.955.850			284.955.850	113.721.850	171.234.000		
	THCS Tân An	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	334.427.628			334.427.628	92.199.828	242.227.800		
	THCS Nguyễn Du	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	222.179.278			222.179.278	147.823.278	74.356.000		
	THCS Hiếu Liêm	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	285.269.790			285.269.790	233.453.790	51.816.000		
	THCS Lê Quý Đôn	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	870.181.358			870.181.358	512.322.558	357.858.800		
	THCS Vĩnh An	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	631.641.240			631.641.240	371.029.240	260.612.000		
	THCS Vĩnh Tân	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	920.209.955			920.209.955	420.421.355	499.788.600		
	THCS Mã Đà	Kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	705.923.874			705.923.874	626.395.874	79.528.000		
	Trung tâm chính trị	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	11.875.635			11.875.635	11.875.635			
	TTCĐNN-GDTX	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	12.306.555			12.306.555	0	12.306.555		
3	Sự nghiệp Văn Hóa- Thông tin:		68.785.032	0	0	68.785.032	38.026.032	30.759.000	0	
	Trung tâm Văn Hóa Thông Tin	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP (VHTT)	68.785.032			68.785.032	38.026.032	30.759.000		
4	Sự nghiệp Thể dục - Thể thao :		33.328.038			33.328.038	33.328.038	0	0	
	Trung tâm Văn Hóa Thông Tin	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP (TDTT)	33.328.038			33.328.038	33.328.038			
5	Sự nghiệp Dài truyền thanh :		43.868.844			43.868.844	43.868.844	0		

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn kết dư	Nguồn CCTL				Ghi chú
						Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn	
6	Chi quản lý hành chính:		4.921.250.715	-	428.470.000	4.492.780.715	2.241.567.000	-	2.251.213.715	
a	Khoản QLNN:		1.750.319.000	-	405.370.000	1.344.949.000	1.344.949.000	-	-	
	Văn Phòng HDND&HDND	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	296.000.000			296.000.000	296.000.000			
	Văn Phòng HDND&HDND	- Bổ sung kinh phí tăng thêm hoạt động đối với đại biểu HDND các cấp	32.000.000			32.000.000	32.000.000			
	Phòng Nội Vụ	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	91.619.000			91.619.000	91.619.000			
	Phòng Y tế	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	33.897.000			33.897.000	33.897.000			
	Phòng VH TT	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	82.333.000			82.333.000	82.333.000			
	Thanh Tra	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	86.611.000			86.611.000	86.611.000			
	Phòng Tài nguyên - MT	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	77.450.000			77.450.000	77.450.000			
	Phòng TC-KH	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	137.856.000			137.856.000	137.856.000			
	Phòng KTHH	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	143.387.000			143.387.000	143.387.000			
	Phòng Tư Pháp	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	60.334.000			60.334.000	60.334.000			
	Phòng LĐTBXH	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	100.999.000			100.999.000	100.999.000			
	Phòng NNPTNT	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	85.575.000			85.575.000	85.575.000			
	Phòng GDĐT	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	116.888.000			116.888.000	116.888.000			

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn kết dư	Nguồn CCTL				Ghi chú
						Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn	
	Phòng Nội Vụ	- Bổ sung kinh phí khen thưởng	405.370.000			-				
b	Khối đảng, đoàn thể, hội đặc thù:		896.618.000	-		896.618.000	896.618.000	-	-	-
	Văn Phòng huyện ủy	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	473.986.000			473.986.000	473.986.000			
	Văn Phòng huyện ủy	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	24.552.000			24.552.000	24.552.000			
b.1	Các đơn vị khối đoàn thể		246.867.000	0	0	246.867.000	246.867.000	0	0	0
	UBND TTQ huyện	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023 ND-CP	67.197.000			67.197.000	67.197.000			
	Huyện đoàn	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023 ND-CP	40.079.000			40.079.000	40.079.000			
	Hội phụ nữ	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023 ND-CP	44.341.000			44.341.000	44.341.000			
	Hội nông dân	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023 ND-CP	60.591.000			60.591.000	60.591.000			
	Hội Cựu chiến binh	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023 ND-CP	34.659.000			34.659.000	34.659.000			
b.2	Các đơn vị khối hội đặc thù		151.213.000	0	0	151.213.000	151.213.000	0	0	0
	Hội chữ thập đỏ	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023 ND-CP	36.298.000			36.298.000	36.298.000			
	Hội khuyến học	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023 ND-CP	26.931.000			26.931.000	26.931.000			

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn kết dư	Nguồn CCTL				Ghi chú
						Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị trấn	
	Hội người mù	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	20.407.000			20.407.000	20.407.000			
	Hội chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù Đày	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	23.623.000			23.623.000	23.623.000			
	Hội người cao tuổi	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	22.449.000			22.449.000	22.449.000			
	Hội nạn nhân chất độc da cam	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	21.505.000			21.505.000	21.505.000			
c	Khố xã:		2.274.313.715	-	23.100.000	2.251.213.715	-	-	2.251.213.715	-
	UBND xã Vĩnh Tân	- Bổ sung kinh phí hỗ trợ chế độ luân chuyển, điều động CB cấp xã	23.100.000		23.100.000	-				
	UBND các xã thị trấn	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của CBCT của UBND các xã, thị trấn Vĩnh An :	1.960.696.715			1.960.696.715			1.960.696.715	
	UBND xã Bình Hòa	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	136.175.715			136.175.715			136.175.715	
	UBND xã Tân Bình	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	158.485.000			158.485.000			158.485.000	
	UBND xã Thanh Phú	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	166.657.000			166.657.000			166.657.000	
	UBND xã Bình Lợi	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	135.932.000			135.932.000			135.932.000	
	UBND xã Thuận Tân	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	160.289.000			160.289.000			160.289.000	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn kết dư	Nguồn CCTL				Ghi chú
						Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn	
	UBND xã Tân An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	148.340.000			148.340.000			148.340.000	
	UBND xã Trại An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	145.842.000			145.842.000			145.842.000	
	UBND xã Hiền Liêm	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	181.766.000			181.766.000			181.766.000	
	UBND xã Mã Đà	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	191.134.000			191.134.000			191.134.000	
	UBND xã Phú Lý	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	197.605.000			197.605.000			197.605.000	
	UBND xã Vĩnh Tân	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	159.139.000			159.139.000			159.139.000	
	UBND TT Vĩnh An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	179.332.000			179.332.000			179.332.000	
	UBND các xã thị trấn	- Bổ sung kinh phí tăng thêm hoạt động đối với đại biểu HĐND các cấp theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của UBND các xã, thị trấn Vĩnh An :	217.419.000			217.419.000			217.419.000	
	UBND xã Bình Hòa	- Bổ sung kinh phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	17.530.000			17.530.000			17.530.000	
	UBND xã Tân Bình	- Bổ sung kinh phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	18.460.000			18.460.000			18.460.000	
	UBND xã Thanh Phú	- Bổ sung kinh phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	20.115.000			20.115.000			20.115.000	
	UBND xã Bình Lợi	- Bổ sung kinh phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	17.177.000			17.177.000			17.177.000	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn kết dư	Nguồn CCTL				Ghi chú
						Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn	
	UBND xã Thuận Tân	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	17.818.000			17.818.000			17.818.000	
	UBND xã Tân An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	18.795.000			18.795.000			18.795.000	
	UBND xã Trị An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	16.395.000			16.395.000			16.395.000	
	UBND xã Hiền Liêm	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	15.810.000			15.810.000			15.810.000	
	UBND xã Hòa Đà	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	17.037.000			17.037.000			17.037.000	
	UBND xã Phú Lý	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	18.572.000			18.572.000			18.572.000	
	UBND xã Trình Tân	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	20.301.000			20.301.000			20.301.000	
	UBND TT Trình An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	19.409.000			19.409.000			19.409.000	
	UBND các xã thị trấn	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm cấp ủy của UBND các xã, thị trấn Vĩnh An :	73.098.000			73.098.000			73.098.000	
	UBND xã Bình Hòa	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	6.138.000			6.138.000			6.138.000	
	UBND xã Tân Bình	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	5.022.000			5.022.000			5.022.000	
	UBND xã Thuận Phú	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	7.254.000			7.254.000			7.254.000	
	UBND xã Bình Lợi	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	6.138.000			6.138.000			6.138.000	
	UBND xã Thuận Tân	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	5.022.000			5.022.000			5.022.000	
	UBND xã Tân An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	6.138.000			6.138.000			6.138.000	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Mượn Nguồn dự phòng	Nguồn kết dư	Nguồn CCTL				Ghi chú
						Nguồn CCTL	Nguồn CCTL tại huyện	Nguồn CCTL 40% tại đơn vị	Nguồn CCTL tại các xã Thị Trấn	
	UBND xã Tri An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	5.022.000			5.022.000			5.022.000	
	UBND xã Hiếu Liêm	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	6.696.000			6.696.000			6.696.000	
	UBND xã Mã Đà	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	6.696.000			6.696.000			6.696.000	
	UBND xã Phú Lý	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	6.138.000			6.138.000			6.138.000	
	UBND xã Vĩnh Tân	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	6.138.000			6.138.000			6.138.000	
	UBND TT Vĩnh An	- Bổ sung kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên	6.696.000			6.696.000			6.696.000	
7	Chi an ninh		36.586.152		36.586.152					
	UBND xã Vĩnh Tân	- Bổ sung kinh phí hỗ trợ chi trả chế độ hỗ trợ thôi việc đối với Công an xã (ông Nguyễn Thế Dũng)	36.586.152		36.586.152					
8	Chi Quốc Phòng		43.210.000		43.210.000					
	UBND xã Thiện Tân	- Bổ sung kinh phí chi trả chế độ nghỉ việc đối với lực lượng dân quân thường trực xã hoàn thành nghĩa vụ DQTV (ông Nguyễn Văn Thuận và ông Nguyễn Ngọc Phát)	23.840.000		23.840.000					
	UBND xã Thiện Tân	- Bổ sung kinh phí chi trả chế độ nghỉ việc đối với lực lượng dân quân thường trực xã hoàn thành nghĩa vụ DQTV (Trần Minh Hoàng và ông Nguyễn Thanh Vũ)	19.370.000		19.370.000					